

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/DS-ST

Ngày: 26-7-2023

V/v “Tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệu

Ông Lê Thành Đông

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 235/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1970.

Địa chỉ: số 2017, ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Bà A có mặt, bà G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị A trình bày:

Do có quen biết với nhau và có mối quan hệ làm ăn nên bà có tham gia chơi hui do bà Huỳnh Thị G làm chủ hui để dành dụm tiền, cụ thể:

- Dãy hui mệnh giá 5.000.000 đồng, khai ngày 25/02/2019 âm lịch, đã mãn hui ngày 17/12/2020 âm lịch, hui có 21 phần, bà tham gia 01 phần, đóng hui đầy đủ và hót hui chót vào ngày 17/12/2020 âm lịch với số tiền 97.500.000 đồng nhưng bà G chưa giao hui cho bà. Vào ngày 17/12/2020 âm lịch, bà G có trả cho bà 6.000.000 đồng, còn nợ lại 91.500.000 đồng. Đến ngày 12/12/2022 âm lịch, bà G trả 33.000.000 đồng, còn nợ lại 58.500.000 đồng. Bà nhiều lần liên hệ đòi tiền nhưng bà G cứ hứa lần lựa cho đến nay vẫn chưa trả. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu bà G trả số tiền hui còn nợ là 58.000.000 đồng theo đơn khởi kiện, không yêu cầu tính lãi. Năm trăm nghìn còn lại bà không tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; bản sao đơn khởi kiện và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bà G nhưng bà G đều vắng mặt và cũng không gửi bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà A khởi kiện yêu cầu bà G trả tiền hội còn nợ là 58.000.000 đồng. Đây là tranh chấp hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà G có nơi cư trú tại xã Thanh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bà G đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G.

[2] Về nội dung vụ án: Theo bà A khai do có quen biết với nhau từ trước, bà có tham gia chơi 01 dây hội do bà Huỳnh Thị G làm chủ hội, cụ thể: Dây hội mệnh giá 5.000.000 đồng, khai ngày 25/02/2019 âm lịch, đã mần hội ngày 17/12/2020 âm lịch, hội có 21 phần, bà tham gia 01 phần, đóng hội đầy đủ và hốt hội chót vào ngày 17/12/2020 âm lịch với số tiền 97.500.000 đồng nhưng bà G chưa giao hội cho bà. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà A là danh sách khai hội ngày 25/02/2019, biên nhận nợ số tiền hội 91.500.000 của bà Huỳnh Thị G. Bà A xác nhận bà G đã trả 33.500.000 đồng, còn nợ lại 58.000.000 đồng nên yêu cầu bà G trả số tiền trên.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc tham gia chơi hội giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, việc này có xảy ra trên thực tế và các bên đã thừa nhận, có danh sách hội, biên nhận nợ. Dây hội bà A tham gia, bà A đã đóng mần hội và hốt chót nhưng bà G không giao tiền hội cho bà A. Như vậy, bà G đã vi phạm nghĩa vụ cũng như không thực hiện đúng trách nhiệm của chủ hội nên yêu cầu khởi kiện của bà A là có cơ sở. Căn cứ các Điều 14, 15, 17, 19, 21, 22, 29, Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hội, họ, biêu, phường, chấp nhận yêu cầu của bà A.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của A được chấp nhận nên bà G có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $58.000.000 \times 5\% = 2.900.000$ đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 288, 357, 466, 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 147, 192 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 14, 15, 17, 19, 21, 2 và

Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A đối với bị đơn bà Huỳnh Thị G. Buộc bà Huỳnh Thị G có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị A số tiền hội còn nợ là 58.000.000 (năm mươi tám triệu nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Huỳnh Thị G phải nộp số tiền án phí là 2.900.000 (hai triệu chín trăm nghìn) đồng.

- Chi cục Thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho bà Phạm Thị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.450.000 (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005905 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan